

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai dự toán thu, chi quản lý Dự án
năm 2025 của Ban QLDA đầu tư Xây dựng các
công trình Nông Nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa**

**GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG
TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ GIAO THÔNG TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về
việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính
hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được
ngân sách nhà nước hỗ trợ.*

*Căn cứ Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các
công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở hợp nhất Ban
Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa và Ban
Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông
thôn tỉnh Khánh Hòa.*

*Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-DANN> ngày 07/3/2025 của Ban QLDA
đầu tư Xây dựng các công trình Nông Nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa về
việc phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2025.*

Xét đề nghị của Phòng TC- KH.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi quản lý Dự án năm 2025
của Ban QLDA đầu tư Xây dựng các công trình Nông Nghiệp và Giao thông tỉnh
Khánh Hòa (Theo biểu đính kèm);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Giám đốc, các phòng trực thuộc Ban và các đơn vị liên quan
thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3,
 - Sở Tài chính;
 - Lưu: VT, Na
- (VBĐT)



GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Tài

Đơn vị: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình
Nông Nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa.
Chương:

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo quyết định số: 195 /QĐ- DANN> ngày 07/3/2025)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3 = 4+5	4	5	6
A	DỰ TOÁN THU	21.970.986.545	21.970.986.545	0	
I	Tổng số thu:	21.970.986.545	21.970.986.545	0	
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	1.370.986.545	1.370.986.545	0	
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	20.600.000.000	20.600.000.000	0	
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	0	0	0	
4	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị (nếu có)	0	0	0	
5	Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có)	0	0	0	
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng			0	
III	Nguồn thu sử dụng trong năm (III)=(I)-(II)	21.970.986.545	21.970.986.545	0	
1	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ (nếu có)			0	
2	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi thường xuyên	19.820.986.545	19.820.986.545	0	
3	Nguồn NSNN cấp chi không thường xuyên (nếu có)	0	0	0	
4	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi không thường xuyên (nếu có)	2.150.000.000	2.150.000.000	0	
B	DỰ TOÁN CHI	21.970.986.545	21.970.986.545	0	
I	Chi thường xuyên	19.820.986.545	19.820.986.545	0	
1	Tiền lương	6.197.402.016	6.197.402.016	0	
2	Tiền công	234.187.200	234.187.200	0	
3	Các khoản phụ cấp lương	165.672.000	165.672.000	0	



4	Các khoản trích nộp theo lương	1.552.356.386	1.552.356.386	0	
5	Khen thưởng	100.000.000	100.000.000	0	
6	Phúc lợi tập thể	10.000.000	10.000.000	0	
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	250.000.000	250.000.000	0	
8	Mua vật tư văn phòng	300.000.000	300.000.000	0	
9	Thanh toán thông tin, tuyên truyền	100.000.000	100.000.000	0	
10	Hội nghị	30.000.000	30.000.000	0	
11	Thanh toán công tác phí	300.000.000	300.000.000	0	
12	Thuê mướn	100.000.000	100.000.000	0	
13	Đoàn đi công tác tại nước ngoài	0	0	0	
14	Đoàn vào	100.000.000	100.000.000	0	
15	Sửa chữa thường xuyên tài sản	100.000.000	100.000.000	0	
16	Khác	200.000.000	200.000.000		
17	Dự phòng	50.000.000	50.000.000		
18	Trích lập quỹ	10.031.368.943	10.031.368.943	0	
II	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thương xuyên không giao tự chủ, nếu có			0	
III	Chi không thường xuyên	2.150.000.000	2.150.000.000	0	
1	Chi không thường xuyên từ nguồn NSNN cấp			0	
1.1	Đầu tư xây dựng cơ bản			0	
1.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý			0	
1.3	Sửa chữa tài sản lớn cố định			0	
1.4	Chi thực hiện tình gián biên chế			0	
1.5	Chi khác			0	
2	Chi không thường xuyên từ Quỹ	<u>2.150.000.000</u>	<u>2.150.000.000</u>	0	
2.1	Đầu tư xây dựng cơ bản			0	
2.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý	100.000.000	100.000.000	0	
2.3	Sửa chữa tài sản lớn cố định	50.000.000	50.000.000	0	
2.4	Chi thực hiện tình gián biên chế	2.000.000.000	2.000.000.000	0	
2.5	Chi khác	0	0	0	